

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách tại Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện quy định của pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; trên cơ sở rà soát các quy định hiện hành của Trung ương về trợ giúp xã hội, đánh giá tình hình thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và yêu cầu bảo đảm chính sách từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, Sở Y tế đã chủ trì xây dựng Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết).

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định mới của Chính phủ; kế thừa các nội dung còn phù hợp của chính sách đặc thù đã được thực hiện trên địa bàn tỉnh; bổ sung chính sách đối với một số nhóm có hoàn cảnh khó khăn, nhu cầu trợ giúp xã hội đặc thù; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tránh trùng lặp với các chính sách khác đang được thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở các nội dung chính sách được đề xuất tại Dự thảo Nghị quyết, Sở Y tế báo cáo đánh giá tác động của các chính sách theo các nhóm nội dung, giải pháp được đề xuất, cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trợ giúp xã hội là một bộ phận quan trọng của hệ thống an sinh xã hội, nhằm hỗ trợ những người gặp khó khăn, rủi ro trong cuộc sống, góp phần bảo đảm mức sống tối thiểu và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cùng với sự thay đổi về cơ cấu dân số, điều kiện lao động, sức khỏe và hoàn cảnh gia đình, nhu cầu trợ giúp của các nhóm yếu thế ngày càng đa dạng. Vì vậy, chính sách trợ giúp xã hội cần được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng, chú trọng đến hoàn cảnh và nhu cầu trợ giúp thực tế.

Ở Việt Nam, hệ thống chính sách trợ giúp xã hội tiếp tục được hoàn thiện theo hướng mở rộng diện bao phủ, điều chỉnh mức trợ giúp và tăng cường trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm an sinh xã hội. Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội là căn cứ pháp lý mới để tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trong giai đoạn tới.

Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của địa phương đã được thực hiện trong thời gian qua và có tác động tích cực đối với các nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 được thực hiện trong năm 2026 và hết hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027. Do đó, cần ban hành chính sách mới để bảo đảm tính liên tục của chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, từ năm 2026 tỉnh thực hiện Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 quy định chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng đối với một số thành viên không có khả năng lao động thuộc hộ nghèo trên địa bàn tỉnh. Việc có thêm chính sách này đặt ra yêu cầu phải phân định rõ phạm vi giữa chính sách hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND và chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của tỉnh, bảo đảm không hỗ trợ trùng lặp đối với cùng một nội dung.

Thực tiễn thực hiện chính sách cho thấy hoàn cảnh khó khăn và nhu cầu trợ giúp xã hội của người dân không hoàn toàn phụ thuộc vào tình trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc địa bàn cư trú. Một số trường hợp tuy không thuộc hộ nghèo nhưng vẫn có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, như trẻ em có cha, mẹ mất hoặc biệt tích; trẻ em nhiễm HIV/AIDS; người cao tuổi không có người thân có khả năng chăm sóc; người khuyết tật có mức độ khuyết tật nặng, đặc biệt nặng; người mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo nhưng không có tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng hoặc các khoản trợ cấp thường xuyên khác theo quy định.

Dự thảo Nghị quyết vì vậy xác định chính sách trợ giúp xã hội đặc thù đối với một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhu cầu trợ giúp xã hội đặc thù; những nội dung không quy định tại Nghị quyết tiếp tục thực hiện theo quy định của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng chính sách trợ giúp xã hội đặc thù của tỉnh Hưng Yên theo hướng phù hợp với quy định mới của Trung ương, sát với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm hỗ trợ đúng nhóm đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhu cầu trợ giúp đặc thù và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Tiếp tục hỗ trợ một số nhóm đối tượng yếu thế có hoàn cảnh khó khăn, nhu cầu trợ giúp đặc thù tại cộng đồng, góp phần bảo đảm điều kiện sinh hoạt và ổn định đời sống của đối tượng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Bảo đảm từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 có cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đặc thù; tiếp tục hỗ trợ các nhóm có hoàn cảnh khó khăn chưa được hoặc chưa được hỗ trợ đầy đủ từ chính sách Trung ương; hạn chế việc xác định đối tượng chỉ dựa vào tình trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo; bảo đảm không trùng

lập giữa các chính sách; đồng thời tạo cơ sở để tổ chức thực hiện chính sách thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Trợ cấp xã hội hằng tháng đối với một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, nhu cầu trợ giúp xã hội đặc thù tại cộng đồng

Dự thảo Nghị quyết quy định các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; người từ đủ 16 tuổi đến đủ 22 tuổi thuộc trường hợp không có nguồn nuôi dưỡng và đang học tập; người cao tuổi thuộc hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc thù; một số người khuyết tật; người mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo nhưng không có tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng hoặc khoản trợ cấp hằng tháng khác. Mức trợ cấp được xác định trên cơ sở mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định tại từng thời kỳ và hệ số tương ứng đối với từng nhóm.

1.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Tiếp tục thực hiện chính sách đối với các nhóm đối tượng đặc thù theo quy định tại Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp này bảo đảm tính kế thừa chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh đang được thực hiện, không làm thay đổi ngay các điều kiện, tiêu chí và mức hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng đặc thù. Tuy nhiên, Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND được ban hành trong bối cảnh và điều kiện kinh tế - xã hội trước đây; một số quy định về đối tượng, điều kiện hưởng và mức hỗ trợ cần được tiếp tục rà soát để bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật Trung ương hiện hành, tình hình thực tế và yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh từ năm 2027.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Việc tiếp tục thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND giúp duy trì mức hỗ trợ mà các nhóm đối tượng đặc thù đang được hưởng, bảo đảm tính ổn định của chính sách và hạn chế sự thay đổi đột ngột đối với người thụ hưởng. Đồng thời, giải pháp này tiếp tục hỗ trợ các nhóm có hoàn cảnh khó khăn, góp phần bảo đảm mức sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Tuy nhiên, việc giữ nguyên chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND chưa phản ánh đầy đủ những thay đổi của chính sách trợ giúp xã hội của Trung ương và thực tiễn phát sinh trên địa bàn tỉnh. Một số trường hợp có hoàn cảnh khó khăn nhưng không còn đáp ứng điều kiện về hộ nghèo, cận nghèo hoặc các tiêu chí khác của Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND có thể không tiếp tục được hỗ trợ, trong khi nhu cầu trợ giúp thực tế vẫn còn. Mặt khác, nếu giữ nguyên toàn bộ các nhóm và mức hỗ trợ của Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND mà không rà soát, điều chỉnh thì có thể phát sinh sự giao thoa với các chính sách mới của Trung ương và của tỉnh, trong đó có chính sách quy định tại Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND.

- Tác động về ngân sách

Việc tiếp tục thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND sẽ làm phát sinh nhu cầu kinh phí từ ngân sách địa phương để bảo đảm mức hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng theo quy định. Trong đó, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách trong năm 2027 dự kiến có xu hướng tăng so với năm 2026 do có sự thay đổi về chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2027–2030. Theo định hướng, chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo được điều chỉnh tăng khoảng 50% so với giai đoạn trước, do đó số hộ nghèo, hộ cận nghèo dự kiến có sự thay đổi theo hướng tăng, kéo theo số lượng đối tượng thuộc diện được xác định theo tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo của Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND và nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách cũng có thể tăng tương ứng.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND đang quy định mức hỗ trợ đối với một số nhóm đối tượng theo địa bàn cư trú, trong đó mức hỗ trợ đối với người có hộ khẩu thường trú tại phường cao hơn mức hỗ trợ đối với người có hộ khẩu thường trú tại xã. Trong khi đó, quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đang diễn ra theo hướng mở rộng nhanh số lượng đơn vị hành chính đô thị; hiện nay tỉnh có 11 phường và Hội đồng nhân dân tỉnh đã tán thành chủ trương thành lập thêm 36 phường (Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09/7/2026). Nếu tiếp tục duy trì cách xác định mức hỗ trợ theo sự phân biệt giữa phường và xã như Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, số lượng đối tượng thuộc địa bàn phường tăng sẽ làm gia tăng nhu cầu ngân sách do nhiều đối tượng được áp dụng mức hỗ trợ cao hơn.

Như vậy, trong trường hợp tiếp tục duy trì toàn bộ chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, nhu cầu kinh phí năm 2027 không chỉ chịu tác động của việc thay đổi quy mô đối tượng theo chuẩn nghèo đa chiều mới mà còn chịu tác động của sự thay đổi cơ cấu địa bàn cư trú giữa xã và phường. Điều này có thể làm tăng đáng kể nhu cầu chi ngân sách địa phương trong khi một số nội dung chính sách đã được điều chỉnh, bổ sung hoặc được quy định tại các chính sách khác của Trung ương và của tỉnh, trong đó có Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND.

Do đó, phương án tiếp tục giữ nguyên toàn bộ chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND tuy có ưu điểm là bảo đảm tính ổn định đối với người đang hưởng chính sách, nhưng về lâu dài có thể làm tăng áp lực cân đối ngân sách địa phương và chưa bảo đảm tính phù hợp với sự thay đổi về chuẩn nghèo, cơ cấu đơn vị hành chính và hệ thống chính sách trợ giúp xã hội được ban hành, điều chỉnh trong giai đoạn mới.

- Tác động về giới

Giải pháp tiếp tục bảo đảm cơ hội tiếp cận chính sách bình đẳng giữa nam và nữ, do điều kiện hưởng được xác định trên cơ sở hoàn cảnh và nhu cầu trợ giúp, không phân biệt giới tính. Việc duy trì hỗ trợ đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và người mắc bệnh nặng cũng góp phần giảm gánh nặng chăm sóc trong gia đình.

- Tác động về thủ tục hành chính

Việc tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND có ưu điểm là cơ bản không làm phát sinh quy trình, thủ tục mới đối với cơ quan thực hiện và người dân. Tuy nhiên, do Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND hết hiệu lực từ ngày 01/01/2027, nếu lựa chọn phương án tiếp tục chính sách thì cần ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới để làm cơ sở thực hiện, đồng thời phải rà soát lại đối tượng, mức hưởng và sự phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh theo hướng kế thừa các nội dung còn phù hợp của Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, đồng thời điều chỉnh đối tượng, điều kiện và mức hưởng phù hợp với thực tiễn và pháp luật hiện hành.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp 2 không phủ định chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh đã được thực hiện theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND mà được xây dựng theo hướng kế thừa những nội dung còn phù hợp, đồng thời rà soát, điều chỉnh những nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh. Việc ban hành chính sách mới từ ngày 01/01/2027 là cần thiết do Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND hết hiệu lực từ ngày 01/01/2027, đồng thời hệ thống chính sách trợ giúp xã hội của Trung ương và của tỉnh đã có những thay đổi, nhất là về đối tượng, điều kiện hưởng, mức chuẩn trợ giúp xã hội và các chính sách hỗ trợ có liên quan.

Giải pháp này tạo cơ sở pháp lý thống nhất để tiếp tục thực hiện các chính sách đặc thù của tỉnh còn phù hợp, đồng thời điều chỉnh những nội dung cần thiết nhằm bảo đảm sự thống nhất với quy định pháp luật hiện hành. Trong đó, việc xác định rõ phạm vi đối tượng, điều kiện hưởng, mức hưởng và nguyên tắc áp dụng giữa chính sách của Trung ương với chính sách của tỉnh góp phần hạn chế chồng chéo, trùng lặp chính sách.

Đặc biệt, đối với các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, Giải pháp 2 cho phép xác định rõ mối quan hệ và thứ tự ưu tiên giữa các chính sách, qua đó tránh trường hợp cùng một đối tượng được hưởng đồng thời nhiều chính sách có cùng mục tiêu hỗ trợ, đồng thời vẫn bảo đảm người dân thuộc diện cần trợ giúp được tiếp cận chính sách phù hợp.

Như vậy, về phương diện pháp luật, Giải pháp 2 vừa bảo đảm tính kế thừa, ổn định của chính sách đã được tỉnh thực hiện, vừa bảo đảm yêu cầu hoàn thiện, đồng bộ hóa chính sách với hệ thống pháp luật và chính sách mới hiện hành.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Giải pháp 2 có tác động tích cực đến đời sống của người dân, trước hết thông qua việc tiếp tục duy trì các chính sách đặc thù đã được thực tiễn chứng minh là cần

thiết và còn phù hợp, qua đó hạn chế sự thay đổi đột ngột đối với các nhóm đối tượng đang được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND.

Đồng thời, việc điều chỉnh đối tượng, điều kiện và mức hưởng theo hướng phù hợp hơn với hoàn cảnh và nhu cầu trợ giúp thực tế giúp chính sách có khả năng bao phủ tốt hơn đối với một số trường hợp khó khăn nhưng không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chí trước đây. Qua đó, chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh từng bước chuyển từ việc xác định đối tượng chủ yếu theo một số tiêu chí hành chính như tình trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc địa bàn cư trú sang xem xét cụ thể hơn về hoàn cảnh, mức độ khó khăn và nhu cầu trợ giúp của từng nhóm đối tượng.

Việc điều chỉnh này đồng thời góp phần phân định rõ hơn phạm vi hỗ trợ của chính sách Trung ương và chính sách của tỉnh, nhất là đối với các trường hợp thuộc diện được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND. Qua đó, nguồn lực ngân sách được tập trung vào những trường hợp thực sự cần sự hỗ trợ bổ sung của địa phương, hạn chế việc hỗ trợ trùng lặp và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, do Giải pháp 2 có điều chỉnh một số đối tượng, điều kiện và mức hưởng so với Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND nên trong quá trình chuyển sang thực hiện chính sách mới có thể phát sinh một số trường hợp thay đổi về phạm vi hoặc mức độ hỗ trợ. Tác động này cần được kiểm soát thông qua việc rà soát, phân loại đối tượng và bảo đảm tiếp tục duy trì các chính sách đặc thù còn phù hợp. Vì vậy, việc điều chỉnh chính sách không nhằm cắt giảm hỗ trợ một cách cơ học mà nhằm cơ cấu lại phạm vi hỗ trợ, bảo đảm đúng đối tượng, tránh chồng chéo và sử dụng nguồn lực có trọng tâm, hiệu quả hơn.

- Tác động về ngân sách

Việc mở rộng một số chính sách cũng như các nhóm đối tượng đặc thù so với chính sách do Chính phủ quy định cũng như Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND và điều chỉnh chính sách trợ giúp xã hội theo hướng tập trung vào các nhóm đối tượng yếu thế có nhu cầu trợ giúp thực sự sẽ làm thay đổi cơ cấu phân bổ kinh phí thực hiện chính sách. Tuy nhiên, do không tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ tại cộng đồng theo tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ mới thoát cận nghèo như quy định tại Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, nguồn kinh phí không còn sử dụng cho các chính sách này sẽ được điều chỉnh để thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị quyết mới.

Theo tính toán sơ bộ, tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách không làm tăng tổng nhu cầu kinh phí so với mức kinh phí ngân sách địa phương đang bố trí để thực hiện Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND (thực hiện năm 2026), mà chủ yếu là cơ cấu lại nguồn lực theo hướng tập trung hơn cho các nhóm đối tượng yếu thế cần được trợ giúp, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, tránh trùng lặp với chính sách giảm nghèo và bảo đảm tính bền vững của chính sách.

- Tác động về giới

Giải pháp 2 tiếp tục bảo đảm cơ hội tiếp cận chính sách bình đẳng giữa nam và nữ, do điều kiện hưởng được xác định trên cơ sở hoàn cảnh, mức độ khó khăn và nhu cầu trợ giúp, không phân biệt giới tính.

Việc tiếp tục duy trì chính sách đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh nặng và các nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc thù góp phần hỗ trợ các thành viên trong gia đình có nhu cầu chăm sóc, qua đó giảm gánh nặng chăm sóc và tạo điều kiện để nam và nữ có cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản bình đẳng hơn.

Việc rà soát, điều chỉnh chính sách theo hướng xác định sát hơn hoàn cảnh và nhu cầu trợ giúp thực tế cũng góp phần bảo đảm các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận chính sách trên cơ sở nhu cầu thực tế, thay vì phụ thuộc vào giới tính của người thụ hưởng.

- Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp 2 không làm phát sinh một hệ thống thủ tục hành chính hoàn toàn mới mà chủ yếu kế thừa phương thức xác định, quản lý và thực hiện chính sách đang được áp dụng, đồng thời điều chỉnh các nội dung cần thiết để phù hợp với chính sách mới.

Do có sự điều chỉnh về đối tượng, điều kiện và mức hưởng, trong giai đoạn chuyển tiếp, cơ quan thực hiện cần rà soát, cập nhật danh sách đối tượng đang hưởng chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, xác định các trường hợp tiếp tục thuộc diện hưởng, các trường hợp chuyển sang hưởng chính sách khác và các trường hợp cần xác định lại điều kiện, mức hưởng. Tuy nhiên, việc rà soát này chủ yếu được thực hiện trên cơ sở hồ sơ, dữ liệu quản lý đối tượng trợ giúp xã hội hiện có, kết hợp với thông tin do UBND cấp xã cập nhật khi có thay đổi, do đó không làm phát sinh đáng kể thủ tục hành chính đối với người dân.

Mặt khác, việc quy định rõ đối tượng, điều kiện, mức hưởng và nguyên tắc áp dụng giữa các chính sách sẽ góp phần giảm việc phải xác định, giải quyết lại cùng một nội dung hỗ trợ theo nhiều chính sách khác nhau; đồng thời tạo thuận lợi cho UBND cấp xã trong việc quản lý, cập nhật và tổ chức thực hiện chính sách.

Nhìn chung, Giải pháp 2 có thể phát sinh thêm khối lượng công việc rà soát, phân loại đối tượng trong thời gian đầu triển khai, nhưng đây là yêu cầu cần thiết để chuyển tiếp từ chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND sang chính sách mới. Về lâu dài, việc thống nhất và hoàn thiện các quy định sẽ góp phần đơn giản hóa quá trình thực hiện, hạn chế cách hiểu khác nhau và nâng cao tính minh bạch, thuận lợi trong tổ chức thực hiện chính sách tại cơ sở.

1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở đánh giá tác động của các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo lựa chọn Giải pháp 2: Ban hành chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh theo hướng kế thừa các

nội dung còn phù hợp của Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, đồng thời điều chỉnh đối tượng, điều kiện và mức hưởng phù hợp với thực tiễn và pháp luật hiện hành. Việc lựa chọn giải pháp này được xem xét trên các phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, giải pháp 2 bảo đảm tính kế thừa và ổn định của chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh.

Giải pháp 2 không phủ định chính sách đã được thực hiện theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND mà được xây dựng trên cơ sở rà soát toàn diện các chính sách hiện hành, kế thừa những nội dung còn phù hợp và tiếp tục duy trì đối với những nhóm đối tượng đặc thù có hoàn cảnh khó khăn, có nhu cầu trợ giúp và việc hỗ trợ của tỉnh vẫn cần thiết.

Cách tiếp cận này bảo đảm tính liên tục của chính sách, hạn chế sự thay đổi đột ngột đối với người đang hưởng trợ giúp xã hội. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để tỉnh tiếp tục thể hiện trách nhiệm trong việc chăm lo các nhóm yếu thế, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người cao tuổi, người khuyết tật, người mắc bệnh nặng và các nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc thù khác.

Do đó, việc ban hành chính sách mới từ ngày 01/01/2027 không phải là việc thay thế toàn bộ chính sách đang thực hiện mà là bước hoàn thiện chính sách trên nền tảng những kết quả và kinh nghiệm đã có trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND.

Thứ hai, giải pháp 2 đáp ứng yêu cầu cập nhật chính sách theo quy định pháp luật hiện hành.

Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND được xây dựng trong điều kiện chính sách trợ giúp xã hội của Trung ương và của tỉnh tại thời điểm ban hành còn có những đặc điểm khác so với giai đoạn từ năm 2027. Đến nay, các quy định của Trung ương về trợ giúp xã hội, hưu trí xã hội và các chính sách có liên quan đã được điều chỉnh, đồng thời tỉnh đã ban hành thêm một số chính sách hỗ trợ mới.

Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục thực hiện nguyên trạng toàn bộ chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND sẽ không bảo đảm yêu cầu đồng bộ của hệ thống pháp luật và có thể phát sinh những nội dung giao thoa giữa các chính sách.

Giải pháp 2 cho phép rà soát, điều chỉnh từng nhóm đối tượng, điều kiện và mức hưởng trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành, qua đó bảo đảm chính sách của tỉnh có cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất với chính sách của Trung ương và phù hợp với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thứ ba, giải pháp 2 khắc phục được những hạn chế của việc tiếp tục giữ nguyên chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND.

Thực tiễn triển khai cho thấy hoàn cảnh khó khăn và nhu cầu trợ giúp xã hội của người dân không hoàn toàn phụ thuộc vào tình trạng hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc địa bàn cư trú. Một số trường hợp có hoàn cảnh khó khăn thực tế vẫn cần sự hỗ

trợ nhưng có thể không còn đáp ứng một số tiêu chí được thiết kế theo điều kiện trước đây. Nếu chỉ tiếp tục thực hiện nguyên trạng Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, chính sách có thể chưa bao quát đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tế; đồng thời khó xử lý hợp lý mối quan hệ giữa các chính sách mới của Trung ương và của tỉnh.

Giải pháp 2 khắc phục hạn chế này bằng cách thiết kế lại và điều chỉnh một số nhóm đối tượng theo hướng sát hơn với hoàn cảnh, mức độ khó khăn và nhu cầu trợ giúp thực tế, đồng thời phân định rõ phạm vi hỗ trợ của từng chính sách. Qua đó, chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh có tính linh hoạt và khả năng đáp ứng tốt hơn những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

Thứ tư, giải pháp 2 xử lý tốt hơn mối quan hệ giữa chính sách đặc thù của tỉnh với các chính sách mới của Trung ương và của tỉnh.

Một trong những yêu cầu quan trọng khi xây dựng chính sách mới là phải bảo đảm một người không đồng thời được hưởng nhiều chính sách có cùng mục tiêu hỗ trợ hoặc cùng một nội dung hỗ trợ, trong khi nguồn lực ngân sách có hạn.

Giải pháp 2 cho phép thiết lập rõ hơn nguyên tắc áp dụng, thứ tự ưu tiên và phạm vi hỗ trợ giữa chính sách trợ giúp xã hội của Trung ương, Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND và chính sách đặc thù của tỉnh.

Đối với trường hợp đã thuộc diện được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, việc xác định rõ chính sách ưu tiên sẽ góp phần hạn chế tình trạng hỗ trợ trùng lặp. Đối với những trường hợp không thuộc phạm vi hoặc chưa được giải quyết đầy đủ bởi chính sách khác nhưng vẫn có nhu cầu trợ giúp thực tế, chính sách của tỉnh tiếp tục đóng vai trò hỗ trợ bổ sung phù hợp.

Cách thiết kế này vừa không bỏ sót người cần trợ giúp, vừa hạn chế việc sử dụng ngân sách cho các nội dung đã được chính sách khác bảo đảm.

Thứ năm, giải pháp 2 có khả năng sử dụng nguồn lực ngân sách hiệu quả và bền vững hơn.

Trong điều kiện ngân sách địa phương phải bảo đảm nhiều nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, việc xây dựng chính sách trợ giúp xã hội cần gắn với khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu sử dụng ngân sách có hiệu quả.

Giải pháp 2 không lựa chọn phương án mở rộng hỗ trợ một cách đồng loạt mà thực hiện theo hướng kế thừa có chọn lọc, điều chỉnh có trọng tâm và phân định rõ trách nhiệm hỗ trợ giữa các chính sách. Do đó, nguồn lực ngân sách của tỉnh được tập trung hơn vào các nhóm đối tượng thực sự cần sự hỗ trợ bổ sung của địa phương.

Đồng thời, việc hạn chế chồng chéo với các chính sách Trung ương và chính sách khác của tỉnh giúp giảm nguy cơ bố trí kinh phí trùng lặp, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và tạo điều kiện để chính sách có khả năng duy trì ổn định trong những năm tiếp theo.

Thứ sáu, giải pháp 2 bảo đảm tốt hơn mục tiêu an sinh xã hội và tính công bằng trong tiếp cận chính sách.

Giải pháp 2 không chỉ xem xét người dân có thuộc một nhóm đối tượng hành chính nhất định hay không mà hướng đến việc đánh giá hoàn cảnh, mức độ khó khăn và nhu cầu trợ giúp thực tế. Cách tiếp cận này phù hợp hơn với mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, bởi cùng một tình trạng hộ gia đình nhưng mức độ khó khăn, khả năng tự bảo đảm cuộc sống và nhu cầu trợ giúp của từng cá nhân có thể khác nhau.

Việc tiếp tục duy trì các chính sách đặc thù còn phù hợp, đồng thời điều chỉnh những tiêu chí không còn phù hợp sẽ giúp chính sách của tỉnh có tính bao quát hơn, tập trung hơn vào các nhóm yếu thế và góp phần bảo đảm công bằng trong tiếp cận chính sách trợ giúp xã hội.

Thứ bảy, giải pháp 2 phù hợp hơn với yêu cầu quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện trong giai đoạn mới.

Việc ban hành một chính sách thống nhất áp dụng từ ngày 01/01/2027 giúp các cơ quan, đơn vị và UBND cấp xã có căn cứ pháp lý rõ ràng để rà soát, xác định đối tượng, mức hưởng và tổ chức thực hiện.

Mặc dù trong giai đoạn đầu thực hiện có thể phát sinh khối lượng công việc rà soát, phân loại và cập nhật lại đối tượng đang hưởng chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, nhưng đây là yêu cầu cần thiết để bảo đảm việc chuyển tiếp chính sách được thực hiện chính xác, công khai và minh bạch. Về lâu dài, việc thống nhất các quy định về đối tượng, điều kiện, mức hưởng và nguyên tắc áp dụng sẽ góp phần giảm cách hiểu khác nhau tại cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý và hạn chế sai sót trong quá trình chi trả.

Từ những phân tích trên, có thể thấy Giải pháp 2 có ưu thế hơn Giải pháp 1 ở chỗ vừa bảo đảm tính ổn định, kế thừa chính sách trợ giúp xã hội đã được tỉnh thực hiện, vừa có khả năng giải quyết những vấn đề mới phát sinh mà việc tiếp tục giữ nguyên chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND không thể giải quyết đầy đủ. Giải pháp 2 vì vậy tạo được sự cân bằng giữa tính ổn định và yêu cầu đổi mới chính sách; giữa bảo đảm quyền lợi của người đang hưởng và yêu cầu rà soát, điều chỉnh đối tượng; giữa mở rộng khả năng tiếp cận chính sách và khả năng cân đối nguồn lực; giữa chính sách đặc thù của tỉnh và hệ thống chính sách của Trung ương.

Do đó, cơ quan soạn thảo lựa chọn Giải pháp 2 là phù hợp và cần thiết, bảo đảm chính sách trợ giúp xã hội của tỉnh từ ngày 01/01/2027 được thực hiện theo hướng kế thừa, ổn định, đúng pháp luật, đúng đối tượng, hạn chế chồng chéo, phù hợp với thực tiễn và có tính khả thi, bền vững trong tổ chức thực hiện.

2. Chính sách 2: Trợ giúp xã hội đối với đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên

Chính sách này nhằm tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên, bảo đảm các đối tượng được duy trì ổn định các điều kiện về chăm sóc, nuôi dưỡng, sinh hoạt, học tập và đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong quá trình được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Qua thực tiễn triển khai Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND trong thời gian qua, chính sách trợ giúp đối với nhóm đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên cơ bản phù hợp với điều kiện thực tế, quá trình tổ chức thực hiện không phát sinh vướng mắc, bất cập cần phải điều chỉnh về đối tượng, điều kiện và mức hưởng. Do đó, việc tiếp tục kế thừa và duy trì chính sách này trong Nghị quyết mới là phù hợp, bảo đảm tính ổn định và liên tục của chính sách.

2.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Không tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ riêng của tỉnh, chỉ thực hiện các chế độ trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật Trung ương

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp 1 góp phần giảm số lượng chính sách hỗ trợ riêng của địa phương, tạo sự thống nhất với hệ thống chính sách trợ giúp xã hội của Trung ương. Tuy nhiên, mức độ hỗ trợ đối với một số nhóm đối tượng đang hưởng chính sách đặc thù của tỉnh có thể thay đổi, đồng thời làm giảm tính kế thừa đối với chính sách địa phương đã được triển khai ổn định trong thời gian qua.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Nguồn lực hỗ trợ dành cho các đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên có thể giảm so với chính sách hiện hành của tỉnh. Đây là nhóm đối tượng có mức độ phụ thuộc cao vào cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó sự thay đổi về mức hỗ trợ có thể ảnh hưởng đến điều kiện sinh hoạt, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của đối tượng.

- Tác động về giới

Chính sách áp dụng thống nhất theo quy định của Trung ương không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới trong việc xác định đối tượng và mức hưởng. Tuy nhiên, thay đổi về mức hỗ trợ có thể tác động gián tiếp đến điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với các nhóm đối tượng có nhu cầu hỗ trợ thường xuyên, trong đó không loại trừ sự khác biệt về nhu cầu chăm sóc giữa nam và nữ.

- Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp này có thể phát sinh yêu cầu rà soát, xác định lại đối tượng, chế độ và mức hưởng theo quy định của Trung ương; đồng thời, các cơ sở trợ giúp xã hội và Trường

Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên cần điều chỉnh việc lập danh sách, quản lý đối tượng, tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định mới.

b) Giải pháp 2: Tiếp tục duy trì chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên theo quy định tại Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND.

Theo giải pháp này, các quy định về đối tượng, chế độ trợ giúp và mức hưởng đang thực hiện theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND được tiếp tục kế thừa trong Nghị quyết mới. Việc ban hành Nghị quyết mới nhằm tạo cơ sở pháp lý để chính sách được tiếp tục thực hiện từ ngày 01/01/2027 khi Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND hết hiệu lực, không đặt ra việc điều chỉnh chính sách đối với nhóm đối tượng này khi thực tiễn chưa phát sinh yêu cầu cần thay đổi.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp 2 bảo đảm tính kế thừa, ổn định và liên tục của chính sách địa phương. Việc tiếp tục quy định chính sách này trong Nghị quyết mới là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý thực hiện sau khi Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND hết hiệu lực từ ngày 01/01/2027. Đồng thời, việc giữ nguyên chính sách là phù hợp với thực tiễn triển khai, bởi trong thời gian thực hiện Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, chính sách đối với đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên không phát sinh vướng mắc, bất cập cần phải điều chỉnh.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Việc tiếp tục duy trì chính sách giúp bảo đảm ổn định quyền lợi của các đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng; không làm phát sinh sự thay đổi đột ngột về điều kiện sinh hoạt, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập. Đồng thời, do chính sách đã được triển khai trong thực tế và không phát sinh những vấn đề cần điều chỉnh, việc tiếp tục thực hiện giúp các cơ sở trợ giúp xã hội và nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, sử dụng và dự toán nguồn lực trên cơ sở chính sách đã được thực hiện ổn định.

- Tác động về giới

Chính sách được áp dụng bình đẳng đối với các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh, không đặt ra sự phân biệt về giới. Việc duy trì chính sách ổn định cũng góp phần bảo đảm các nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của các đối tượng được thực hiện liên tục, không bị ảnh hưởng bởi việc thay đổi chính sách.

- Tác động về thủ tục hành chính

Giải pháp 2 không làm phát sinh yêu cầu xây dựng lại hoặc thay đổi căn bản quy trình thực hiện đối với các cơ sở trợ giúp xã hội và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên. Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo phương thức đang áp dụng; Nghị quyết mới chủ yếu tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện chính sách sau khi Nghị quyết số

815/2025/NQ-HĐND hết hiệu lực. Do đó, hạn chế được chi phí chuyển đổi, thời gian rà soát và các thủ tục phát sinh không cần thiết.

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Trên cơ sở đánh giá tác động của các giải pháp nêu trên, cơ quan soạn thảo nhận thấy giải pháp 2 là giải pháp phù hợp và tối ưu, bảo đảm được sự ổn định của chính sách, quyền lợi của đối tượng và tính khả thi trong tổ chức thực hiện. Việc lựa chọn giải pháp này được xem xét trên các phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, bảo đảm tính liên tục của chính sách

Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND hết hiệu lực từ ngày 01/01/2027, trong khi nhóm đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên vẫn có nhu cầu được bảo đảm chính sách thường xuyên, ổn định. Việc tiếp tục quy định chính sách trong Nghị quyết mới giúp không tạo ra khoảng trống về cơ sở pháp lý và bảo đảm quyền lợi của đối tượng được duy trì liên tục.

Thứ hai, phù hợp với thực tiễn tổ chức thực hiện

Trong thời gian thực hiện Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, chính sách đối với nhóm đối tượng này tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên được triển khai ổn định, không phát sinh vướng mắc, bất cập liên quan đến đối tượng, điều kiện hoặc mức hưởng cần phải điều chỉnh. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để lựa chọn phương án tiếp tục duy trì chính sách thay vì thay đổi khi chưa có yêu cầu thực tế.

Thứ ba, bảo đảm nguyên tắc kế thừa có chọn lọc trong xây dựng chính sách mới

Việc xây dựng Nghị quyết mới không đồng nghĩa với việc phải điều chỉnh tất cả các chính sách đang thực hiện theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND. Đối với những nội dung đã được thực tiễn chứng minh là phù hợp, ổn định và không phát sinh vấn đề cần xử lý thì tiếp tục kế thừa; đối với những nội dung không còn phù hợp hoặc phát sinh yêu cầu mới thì mới đặt ra việc rà soát, điều chỉnh. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm sự ổn định của chính sách, vừa tập trung nguồn lực vào những nội dung thực sự cần hoàn thiện.

Thứ tư, hạn chế tác động chuyển tiếp đối với đối tượng và đơn vị thực hiện

Việc giữ nguyên chính sách giúp các cơ sở trợ giúp xã hội và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên tiếp tục thực hiện công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo phương thức đã ổn định, không phải điều chỉnh đồng loạt các điều kiện, định mức và phương thức thực hiện do thay đổi chính sách.

Thứ năm, bảo đảm tính khả thi và ổn định về nguồn lực

Chính sách đã được thực hiện trong thực tế nên việc dự kiến, bố trí và sử dụng nguồn lực có cơ sở kế thừa từ giai đoạn trước. Việc không điều chỉnh khi chưa có

yêu cầu thực tiễn cũng giúp hạn chế những biến động không cần thiết về nhu cầu kinh phí và tạo thuận lợi cho công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện.

Từ những căn cứ trên, cơ quan soạn thảo lựa chọn Giải pháp 2 - tiếp tục duy trì chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND là phù hợp, bảo đảm tính ổn định, liên tục, khả thi và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đây cũng là cách tiếp cận phù hợp với định hướng xây dựng chính sách mới theo nguyên tắc kế thừa những nội dung còn phù hợp, không điều chỉnh khi chưa có yêu cầu thực tiễn, đồng thời tập trung rà soát, hoàn thiện đối với những chính sách thực sự cần thay đổi.

3. Chính sách 3: Hỗ trợ chi phí mai táng đối với một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn

3.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Không quy định chính sách hỗ trợ chi phí mai táng riêng của tỉnh, thực hiện các chế độ hỗ trợ mai táng theo quy định của pháp luật Trung ương và các chính sách khác của tỉnh.

Theo giải pháp này, các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách đặc thù của tỉnh nhưng không thuộc các trường hợp được hưởng mai táng phí theo quy định chung sẽ không tiếp tục được hỗ trợ từ chính sách riêng của tỉnh. Đối với người đang hưởng hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, việc hỗ trợ khi chết được thực hiện theo các chính sách hiện hành có liên quan, trong đó trường hợp không sử dụng dịch vụ hỏa táng sẽ không có chính sách hỗ trợ tương ứng.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp 1 có ưu điểm là hệ thống chính sách của tỉnh được thu gọn, hạn chế số lượng chính sách hỗ trợ riêng. Tuy nhiên, việc không tiếp tục chính sách mai táng theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND sẽ làm thay đổi chính sách đã được thực hiện ổn định đối với các đối tượng đặc thù của tỉnh. Đồng thời, đối với người đang hưởng hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, có thể phát sinh khoảng trống chính sách trong trường hợp người hưởng chết nhưng không sử dụng dịch vụ hỏa táng.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Giải pháp này làm giảm nhu cầu ngân sách địa phương cho chính sách hỗ trợ mai táng. Tuy nhiên, việc không tiếp tục hỗ trợ có thể làm tăng khó khăn về tài chính đối với gia đình, người thân của các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn khi phát sinh chi phí mai táng. Đặc biệt, đối với nhóm đang hưởng hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, nếu không sử dụng dịch vụ hỏa táng thì không có chính sách hỗ trợ tương ứng, trong khi đây là nhóm đối tượng có khả năng tự bảo đảm chi phí mai táng hạn chế.

- Tác động về giới

Giải pháp 1 không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới. Tuy nhiên, việc không có chính sách hỗ trợ mai táng có thể làm tăng gánh nặng kinh tế đối với thành viên gia đình hoặc người thân trực tiếp tổ chức mai táng, trong đó trên thực tế trách nhiệm chăm sóc và tổ chức các công việc gia đình có thể được phân bổ không đồng đều giữa nam và nữ.

- Tác động về thủ tục hành chính

Việc không tiếp tục chính sách đặc thù có thể làm giảm một số thủ tục giải quyết hỗ trợ của địa phương. Tuy nhiên, đối với các trường hợp phát sinh khoảng trống chính sách, cơ quan thực hiện không có cơ sở để giải quyết hỗ trợ, trong khi nhu cầu thực tế của người dân vẫn phát sinh.

b) Giải pháp 2: Tiếp tục kế thừa chính sách hỗ trợ chi phí mai táng theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND và bổ sung trường hợp cần thiết để xử lý khoảng trống chính sách.

Theo giải pháp này, Nghị quyết mới tiếp tục quy định các đối tượng hưởng chính sách đặc thù của tỉnh khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng với mức 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội, tương tự chính sách đang thực hiện theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND.

Đồng thời, quy định thêm trường hợp người cao tuổi thuộc diện đang hưởng hỗ trợ thu nhập hằng tháng theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, khi chết không sử dụng dịch vụ hỏa táng, được hưởng hỗ trợ chi phí mai táng theo Nghị quyết mới. Việc bổ sung này chỉ nhằm bảo đảm quyền lợi tại thời điểm qua đời và khắc phục khoảng trống chính sách, không làm phát sinh việc hưởng đồng thời các chính sách hỗ trợ trong thời gian đối tượng còn sống.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp 2 bảo đảm tính kế thừa và ổn định của chính sách. Đối với các đối tượng hưởng chính sách đặc thù của tỉnh, việc tiếp tục hỗ trợ chi phí mai táng với mức 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội là sự kế thừa trực tiếp chính sách đang thực hiện theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, không làm thay đổi chính sách khi chưa có yêu cầu thực tiễn.

Đồng thời, việc quy định riêng đối với người đang hưởng hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND khi chết mà không sử dụng dịch vụ hỏa táng giúp hoàn thiện mối quan hệ giữa các chính sách của tỉnh. Chính sách mới không đặt ra việc hưởng đồng thời hai chế độ trong cùng thời gian; Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND được ưu tiên thực hiện đối với chính sách hỗ trợ thu nhập khi đối tượng còn sống, còn chính sách mai táng theo Nghị quyết mới được áp dụng tại thời điểm đối tượng qua đời trong trường hợp đáp ứng điều kiện quy định. Qua đó, hạn chế chồng chéo nhưng vẫn bảo đảm không bỏ sót đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Chính sách góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí mai táng đối với gia đình, người thân của các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Việc duy trì mức hỗ trợ 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với các đối tượng đặc thù bảo đảm tính ổn định của chính sách đã thực hiện. Đối với người đang hưởng hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, việc bổ sung hỗ trợ mai táng trong trường hợp không sử dụng dịch vụ hỏa táng giúp khắc phục khoảng trống chính sách, bảo đảm người thuộc nhóm có hoàn cảnh khó khăn không bị thiếu hụt hỗ trợ chi do phương thức mai táng được lựa chọn.

Đồng thời, việc thiết kế chính sách theo hướng phân định rõ chính sách hỗ trợ khi còn sống và chính sách hỗ trợ khi qua đời giúp địa phương chủ động kiểm soát nguồn lực, tránh việc một đối tượng đồng thời hưởng nhiều chính sách có cùng mục tiêu hỗ trợ trong cùng một thời điểm.

- Tác động về giới

Chính sách được áp dụng bình đẳng đối với nam và nữ khi đáp ứng đầy đủ điều kiện. Việc hỗ trợ chi phí mai táng góp phần giảm gánh nặng kinh tế cho gia đình và người trực tiếp tổ chức mai táng, qua đó có tác động tích cực đến việc chia sẻ trách nhiệm chăm sóc và hỗ trợ trong gia đình.

- Tác động về thủ tục hành chính

Việc kế thừa chính sách mai táng theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND giúp cơ quan thực hiện tiếp tục áp dụng quy trình đã được tổ chức thực hiện trong thực tế, không làm phát sinh yêu cầu xây dựng một cơ chế giải quyết hoàn toàn mới. Đối với trường hợp người hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, việc quy định rõ ngay trong Nghị quyết mới về điều kiện được hỗ trợ khi chết và trường hợp không sử dụng dịch vụ hỏa táng giúp cơ quan thực hiện có căn cứ pháp lý rõ ràng, hạn chế cách hiểu khác nhau và thuận lợi trong quá trình giải quyết hồ sơ.

3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Cơ quan soạn thảo nhận thấy Giải pháp 2 là giải pháp phù hợp và tối ưu, vì vừa bảo đảm tính kế thừa, ổn định của chính sách đang thực hiện theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, vừa xử lý được khoảng trống chính sách phát sinh trong quá trình triển khai Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND và các chính sách khác của tỉnh. Việc lựa chọn giải pháp này được xem xét trên các phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, bảo đảm tính kế thừa đối với chính sách đã được thực tiễn chứng minh là phù hợp

Chính sách hỗ trợ chi phí mai táng đối với các đối tượng hưởng chính sách đặc thù của tỉnh theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND đã được thực hiện trong thực tế và tiếp tục có ý nghĩa đối với các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, việc tiếp tục quy định mức hỗ trợ 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trong Nghị quyết mới

là phù hợp, không làm thay đổi quyền lợi đang được thực hiện khi chưa có yêu cầu điều chỉnh.

Thứ hai, không để phát sinh khoảng trống chính sách đối với người hưởng Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND

Đây là điểm cần thiết của chính sách mới. Khi còn sống, người thuộc diện hưởng hỗ trợ thu nhập theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND được thực hiện theo chính sách đó, không đồng thời hưởng chính sách trợ giúp xã hội của Nghị quyết mới nhằm tránh chồng chéo. Tuy nhiên, khi qua đời, nếu không sử dụng dịch vụ hỏa táng thì không phát sinh hỗ trợ theo chính sách hỏa táng và cũng không có cơ chế mai táng phí tương ứng. Nếu Nghị quyết mới không quy định trường hợp này thì sẽ hình thành một khoảng trống chính sách đối với chính nhóm người có hoàn cảnh khó khăn mà tỉnh đang ưu tiên hỗ trợ.

Thứ ba, việc bổ sung trường hợp này không làm chồng chéo với Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND

Hai chính sách được thiết kế ở các thời điểm và mục tiêu hỗ trợ khác nhau: Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND hỗ trợ thu nhập hằng tháng khi đối tượng còn sống; chính sách tại Nghị quyết mới hỗ trợ chi phí mai táng khi đối tượng qua đời. Do đó, việc một người thuộc diện Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND đồng thời thuộc trường hợp được hỗ trợ mai táng khi chết không phải là hưởng trùng một chế độ trong cùng thời gian mà là bổ sung chính sách tại thời điểm phát sinh nhu cầu mới.

Thứ tư, bảo đảm sự thống nhất giữa chính sách mai táng và chính sách hỗ trợ hỏa táng của tỉnh

Việc phân định rõ trường hợp sử dụng và không sử dụng dịch vụ hỏa táng giúp tránh tình trạng cùng một sự kiện qua đời nhưng khả năng được hỗ trợ phụ thuộc vào việc đối tượng có lựa chọn phương thức mai táng hay không mà không có cơ chế xử lý đối với trường hợp không hỏa táng. Quy định riêng trong Nghị quyết mới giúp hoàn thiện hơn hệ thống chính sách hỗ trợ khi đối tượng qua đời.

Thứ năm, bảo đảm tính nhân văn và khả năng thực hiện của chính sách

Đối tượng thuộc diện Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND là những người có hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng lao động và thuộc hộ nghèo. Khi qua đời, việc phát sinh chi phí mai táng có thể tạo thêm gánh nặng đối với gia đình, người thân. Việc hỗ trợ trong trường hợp không sử dụng dịch vụ hỏa táng thể hiện sự quan tâm của tỉnh, đồng thời bảo đảm chính sách trợ giúp xã hội được thực hiện liên tục từ khi đối tượng còn sống đến khi qua đời.

Từ những căn cứ trên, cơ quan soạn thảo lựa chọn **Giải pháp 2** là phù hợp, vừa kế thừa chính sách hỗ trợ chi phí mai táng đã được thực hiện ổn định theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND, vừa bổ sung có trọng tâm một trường hợp thực sự

cần thiết để khắc phục khoảng trống chính sách, tránh bỏ sót đối tượng và hạn chế chồng chéo giữa các chính sách của tỉnh.

4. Chính sách 4: Hỗ trợ thêm hằng tháng đối với người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội

4.1. Đánh giá tác động

a) Giải pháp 1: Không quy định chính sách hỗ trợ thêm của tỉnh, người đủ điều kiện chỉ hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính phủ

Theo giải pháp này, tỉnh không bổ trí thêm khoản hỗ trợ riêng từ ngân sách địa phương; người đủ điều kiện tiếp tục được hưởng đầy đủ chế độ trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Trung ương.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Việc thực hiện thống nhất theo quy định của Trung ương không làm phát sinh thêm chính sách hỗ trợ riêng của địa phương, góp phần bảo đảm tính thống nhất của hệ thống chính sách trợ giúp xã hội. Tuy nhiên, tỉnh không có cơ chế hỗ trợ bổ sung đối với người cao tuổi đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, trong khi điều kiện thực tế và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương có thể cho phép xem xét hỗ trợ thêm đối với nhóm đối tượng này.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Ngân sách địa phương không phát sinh thêm khoản chi cho chính sách hỗ trợ riêng, qua đó giảm áp lực cân đối nguồn lực ngân sách. Người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội chỉ được hưởng mức trợ cấp theo quy định của Trung ương và không có thêm nguồn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh để đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt thiết yếu. Trong khi đó, nhóm đối tượng này chủ yếu là người cao tuổi không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; mức hỗ trợ hiện hưởng có thể chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu cải thiện điều kiện sống và bảo đảm an sinh trong thực tế.

- Tác động về giới

Việc xác định đối tượng và mức hưởng theo quy định chung của Trung ương không tạo ra sự phân biệt trực tiếp về giới. Tuy nhiên, sự khác biệt về tuổi thọ, mức tích lũy và thu nhập trong thời gian lao động giữa nam và nữ có thể dẫn đến những khác biệt về điều kiện kinh tế khi về già. Trong đó, nữ giới thường có tuổi thọ cao hơn và có thể có mức tích lũy, thu nhập thấp hơn; vì vậy, nhóm nữ cao tuổi có điều kiện kinh tế hạn chế có thể chưa có thêm nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách địa phương.

- Tác động về thủ tục hành chính

Cơ quan thực hiện chính sách không phải xây dựng thêm quy trình, hồ sơ và phương thức xét duyệt, chi trả đối với khoản hỗ trợ bổ sung của địa phương. Người hưởng tiếp tục thực hiện các thủ tục theo quy định về trợ cấp hưu trí xã hội của Trung ương, qua đó hạn chế phát sinh thêm yêu cầu về hồ sơ và thủ tục hành chính.

b) Giải pháp 2: Quy định hỗ trợ thêm hằng tháng đối với người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo mức 60.000 đồng/người/tháng.

Theo giải pháp này, người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính phủ được tỉnh hỗ trợ thêm 60.000 đồng/người/tháng từ ngân sách địa phương. Khoản hỗ trợ được thực hiện cùng với chính sách trợ cấp hưu trí xã hội, bảo đảm không làm thay đổi đối tượng, điều kiện hưởng và mức trợ cấp hưu trí xã hội do Trung ương quy định.

- Tác động về hệ thống pháp luật

Giải pháp 2 bổ sung một chính sách hỗ trợ của địa phương trên cơ sở kế thừa và thực hiện cùng chính sách hưu trí xã hội của Trung ương. Việc quy định rõ đây là khoản hỗ trợ thêm của tỉnh giúp phân định với trợ cấp hưu trí xã hội do Trung ương bảo đảm, không làm thay đổi đối tượng, điều kiện hoặc mức trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính phủ.

Chính sách được thiết kế theo hướng người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội thì được hưởng thêm khoản hỗ trợ của tỉnh, do đó việc xác định đối tượng tương đối rõ ràng, hạn chế phát sinh thêm các điều kiện, tiêu chí riêng của địa phương.

- Tác động về kinh tế - xã hội

Việc hỗ trợ thêm 60.000 đồng/người/tháng tuy mức hỗ trợ không lớn nhưng có ý nghĩa bổ sung trực tiếp vào thu nhập thường xuyên của người cao tuổi. Đối với những người không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng hoặc nguồn thu nhập ổn định, khoản hỗ trợ này góp phần trang trải một phần chi phí sinh hoạt thiết yếu, thuốc men, chăm sóc sức khỏe và các nhu cầu thiết yếu khác.

Việc hỗ trợ theo mức cố định cũng tạo điều kiện để tỉnh chủ động xác định nhu cầu và cân đối ngân sách hằng năm. Do chính sách được áp dụng cho người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, số lượng đối tượng có cơ sở xác định từ hệ thống quản lý đối tượng của cơ quan nhà nước, thuận lợi cho việc lập dự toán và tổ chức thực hiện.

- Tác động về giới

Chính sách được áp dụng bình đẳng đối với người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, không phân biệt nam, nữ. Việc hỗ trợ thêm góp phần bảo đảm tốt hơn điều kiện sinh hoạt của người cao tuổi thuộc nhóm có thu nhập thấp, trong đó có những người cao tuổi sống phụ thuộc hoặc không có nguồn thu nhập ổn định.

- Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách không đặt ra quy trình xét duyệt riêng đối với từng người nếu người đó đã được xác định đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính phủ. Việc xác định đối tượng hưởng hỗ trợ thêm có thể căn cứ vào danh sách người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội được cơ quan có thẩm quyền quản lý, qua đó hạn chế việc người dân phải lập hồ sơ, chứng minh lại điều kiện đã được xác định theo chính sách Trung ương.

4.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Cơ quan soạn thảo nhận thấy **Giải pháp 2** là giải pháp phù hợp và tối ưu, vì vừa bảo đảm thực hiện đầy đủ chính sách hưu trí xã hội của Trung ương, vừa phát huy vai trò của tỉnh trong việc bổ sung nguồn lực hỗ trợ đối với người cao tuổi có thu nhập thấp, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Việc lựa chọn giải pháp này được xem xét trên các phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, bổ sung nguồn lực để nâng cao mức bảo đảm an sinh cho người cao tuổi

Trợ cấp hưu trí xã hội là chính sách nhằm bảo đảm mức thu nhập tối thiểu cho người cao tuổi thuộc nhóm không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng. Việc tỉnh hỗ trợ thêm 60.000 đồng/người/tháng giúp bổ sung một phần thu nhập thường xuyên, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của người hưởng.

Thứ hai, chính sách có phạm vi đối tượng rõ ràng, dễ xác định và tổ chức thực hiện

Người được hưởng chính sách địa phương được xác định trên cơ sở người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính phủ. Vì vậy, tỉnh không phải xây dựng thêm một hệ thống tiêu chí riêng để xác định hoàn cảnh hoặc điều kiện kinh tế của từng người, hạn chế phát sinh thủ tục hành chính và chi phí tổ chức thực hiện.

Thứ ba, không làm chông chéo với chính sách hưu trí xã hội của Trung ương

Khoản 60.000 đồng/người/tháng là khoản hỗ trợ thêm từ ngân sách tỉnh, được thực hiện bổ sung cùng trợ cấp hưu trí xã hội và không thay thế cho chế độ của Trung ương. Việc quy định rõ tính chất “hỗ trợ thêm” giúp phân định nguồn kinh phí và trách nhiệm thực hiện giữa chính sách Trung ương và chính sách của địa phương.

Thứ tư, thể hiện trách nhiệm của địa phương trong bảo đảm an sinh xã hội

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các chính sách do Trung ương quy định, việc tỉnh chủ động bố trí thêm nguồn lực hỗ trợ người cao tuổi thể hiện sự quan tâm của địa phương đối với nhóm đối tượng có khả năng tự bảo đảm thu nhập hạn chế, phù hợp với định hướng nâng cao chất lượng an sinh xã hội trên địa bàn.

Thứ năm, bảo đảm tính khả thi về ngân sách và thuận lợi trong tổ chức thực hiện

Mức hỗ trợ 60.000 đồng/người/tháng được xác định ở mức bổ sung hợp lý, tạo thêm nguồn lực cho người hưởng nhưng đồng thời vẫn đặt trong khả năng cân đối ngân sách địa phương. Đối tượng được xác định trên cơ sở danh sách người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội nên thuận lợi cho công tác lập dự toán, quản lý đối tượng và chi trả.

Từ những căn cứ trên, cơ quan soạn thảo lựa chọn Giải pháp 2 - hỗ trợ thêm 60.000 đồng/người/tháng đối với người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội là phù hợp, có tính khả thi và mang ý nghĩa thiết thực đối với người cao tuổi. Chính sách vừa bảo đảm sự thống nhất với chính sách hưu trí xã hội của Trung ương, vừa thể hiện sự chủ động của tỉnh trong việc tăng cường bảo đảm an sinh xã hội bằng nguồn lực địa phương.

III. PHỤ LỤC

Danh mục các phụ lục kèm theo

Phụ lục 01. Thực trạng đối tượng và kinh phí thực hiện các chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND.

Phụ lục 02. Bảng so sánh các chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND và chính sách tại dự thảo Nghị quyết.

Phụ lục 03. Dự kiến số đối tượng, mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện các chính sách tại dự thảo Nghị quyết.

Phụ lục 04: Dự kiến kinh phí thực hiện năm 2027 trong trường hợp tiếp tục duy trì các chính sách theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Qua đánh giá các tác động về hệ thống pháp luật, kinh tế - xã hội, ngân sách, bình đẳng giới, thủ tục hành chính và ngân sách nhà nước, Sở Y tế nhận thấy việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên là cần thiết, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và có tính khả thi.

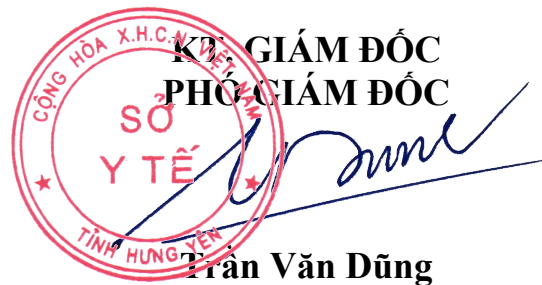
Dự thảo Nghị quyết bảo đảm kế thừa những nội dung chính sách còn phù hợp, đồng thời điều chỉnh phạm vi đối tượng và mức hỗ trợ theo hướng tập trung vào những trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, nhu cầu trợ giúp xã hội đặc thù; bảo đảm thống nhất với chính sách trợ giúp xã hội của Trung ương và các chính sách khác đang thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Việc ban hành Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện chính sách trợ giúp xã hội từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, hạn chế khoảng trống chính sách khi chính sách hiện hành hết hiệu lực và bảo đảm nguyên tắc không hỗ trợ trùng lặp giữa các chính sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, Sở Y tế tỉnh Hưng Yên trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, BTXH&PCTNXH.



PHỤ LỤC 02

BẢNG SO SÁNH CÁC CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 815/2025/NQ-HĐND VÀ CHÍNH SÁCH TẠI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SYT ngày tháng 9 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Hưng Yên)

STT	Nội dung chính sách	Theo Nghị quyết số 815/2025/NQ-HĐND	Theo Dự thảo Nghị quyết	Đánh giá, định hướng xử lý
I	TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG TẠI CƠ SỞ TRỢ GIÚP XÃ HỘI CÔNG LẬP VÀ TRƯỜNG GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT HƯNG YÊN			
1	Đối tượng thụ hưởng	Người được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên thuộc phạm vi áp dụng của Nghị quyết.	Tiếp tục quy định chính sách đối với người được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên.	Kế thừa chính sách đang thực hiện; không thay đổi đối tượng do thực tiễn triển khai ổn định, phù hợp
2	Mức trợ giúp nuôi dưỡng hằng tháng	Đối tượng dưới 24 tháng tuổi: bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội. Đối tượng từ đủ 24 tháng tuổi trở lên: bằng 5 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội.	Giữ nguyên mức trợ giúp đối với từng nhóm đối tượng theo Nghị quyết số 815; mức chuẩn trợ giúp xã hội thực hiện theo mức do Chính phủ quy định tại từng thời kỳ.	Kế thừa nguyên trạng , bảo đảm tính ổn định của chính sách và phù hợp với thực tiễn tại các cơ sở, Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên.
3	Hỗ trợ nhân dịp lễ, Tết	Hỗ trợ 150.000 đồng/người/ngày trong 11 ngày lễ, Tết theo quy định; đối với trẻ em dưới 16 tuổi được hỗ trợ thêm 02 ngày. Thực hiện hỗ trợ bằng tiền đối với đối tượng không có mặt tại cơ sở trợ giúp xã hội, Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên	Tiếp tục thực hiện mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 815.	Kế thừa , không điều chỉnh do chính sách đang thực hiện ổn định và phù hợp với điều kiện thực tế.

		trong dịp Tết Nguyên đán theo quy định.		
4	Hỗ trợ chi phí mai táng	Hỗ trợ bằng 70 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với trường hợp cơ sở trợ giúp xã hội, Trường Giáo dục chuyên biệt Hưng Yên tổ chức mai táng; 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với trường hợp gia đình tổ chức mai táng.	Tiếp tục quy định mức hỗ trợ tương ứng theo Nghị quyết số 815.	Kế thừa , bảo đảm ổn định chính sách đối với nhóm đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở, Trường.
II TRỢ GIÚP XÃ HỘI ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG TẠI CỘNG ĐỒNG				
1	Đối với nhóm trẻ em	Chưa quy định	Hỗ trợ các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trong đó tập trung vào trẻ em có cha, mẹ là người khuyết tật, trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, hạn chế nguồn nuôi dưỡng và trẻ em nhiễm HIV/AIDS	Bổ sung chính sách mới , nhằm quan tâm đến nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc thù, khó khăn trong cuộc sống.
2	Đối với nhóm người từ đủ 16 đến đủ 22 tuổi đang đi học	Chưa quy định	Hỗ trợ đối tượng thuộc trường hợp: Người từ đủ 16 tuổi đến đủ 22 tuổi, thuộc một trong các trường hợp không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội và khoản 1 Điều 4 Dự thảo Nghị quyết, đang học giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất nếu quá trình học liên tục không bị gián đoạn (trừ trường hợp được tạm dừng học, bảo	Bổ sung chính sách mới , nhằm quan tâm đến nhóm đối tượng đang đi học có hoàn cảnh đặc thù, khó khăn trong cuộc sống.

			lưu kết quả học tập theo quy định của pháp luật về giáo dục) thì tiếp tục được hưởng chính sách trợ giúp xã hội cho đến khi kết thúc học.	
3	Đối với nhóm người cao tuổi	Quy định 02 nhóm người cao tuổi. Nhóm người cao tuổi theo điểm a khoản 1 Điều 2 được hưởng trợ cấp thêm 4,5 lần mức chuẩn tại phường, 3,0 lần tại xã. Nhóm người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo, thoát cận nghèo và có hoàn cảnh đặc thù theo điểm b khoản 1 Điều 2 được hưởng từ 4,5 đến 6,5 lần mức chuẩn, tùy địa bàn và độ tuổi; được hỗ trợ mai táng 20 lần mức chuẩn.	Rà soát, sắp xếp lại nhóm người cao tuổi theo hướng xác định trực tiếp hoàn cảnh, điều kiện về người thân và nhu cầu trợ giúp; điều chỉnh cách xác định đối tượng, độ tuổi và mức hưởng; đồng thời quy định rõ mối quan hệ với chính sách hưu trí xã hội và Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND.	Kế thừa có điều chỉnh , chuyển từ cách xác định chủ yếu theo địa bàn và tình trạng hộ sang xem xét cụ thể hơn hoàn cảnh, nhu cầu trợ giúp và khả năng hưởng các chính sách khác.
4	Đối với nhóm người	Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: Hỗ trợ thêm ngoài mức trợ cấp của Chính phủ: 2,5 lần mức chuẩn tại phường; 1,5 lần tại xã.	Không quy định hỗ trợ người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc hộ nghèo (thuộc đối tượng hưởng của Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND). Bên cạnh đó, người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc hộ nghèo chuyển sang hưởng theo nhóm người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định của Chính phủ (hỗ trợ thêm mức 1.0 ngoài mức hỗ trợ của Chính phủ.	Kế thừa có điều chỉnh , phù hợp với định hướng chính sách mới và khả năng cân đối nguồn lực.
		Người khuyết tật đặc biệt	Tiếp tục quy định chính sách đối với	Kế thừa

	khuyết tật	nặng theo quy định của Chính phủ: Hỗ trợ mức 1.0	Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định của Chính phủ: Hỗ trợ mức 1.0	
		Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo	Không quy định hỗ trợ người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo (thuộc đối tượng hưởng của Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND).	Chuyển thực hiện theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND.”
		Người khuyết tật nặng thuộc hộ cận nghèo: Hỗ trợ mức 1.0	Tiếp tục quy định chính sách đối với người khuyết tật nặng thuộc hộ cận nghèo: Hỗ trợ mức 1.0	Kế thừa
		Chưa quy định chính sách đối với người khuyết tật nhẹ là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Bổ sung chính sách hỗ trợ đối với người khuyết tật nhẹ thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo điều kiện của dự thảo. Mức hỗ trợ 1.0	Bổ sung chính sách mới , nhằm quan tâm đến nhóm người khuyết tật có hoàn cảnh đặc thù, khó khăn trong cuộc sống.
5	Đối với nhóm người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh nặng có hoàn cảnh khó khăn	Chưa quy định	Hỗ trợ đối với người mắc bệnh thuộc trường hợp quy định tại dự thảo, không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng, trợ cấp xã hội hằng tháng hoặc các khoản trợ cấp thường xuyên khác và đáp ứng điều kiện về hoàn cảnh kinh tế. Mức hỗ trợ 1.5	Bổ sung chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu trợ giúp đối với nhóm có chi phí điều trị, chăm sóc lớn nhưng chưa thuộc diện hưởng chính sách trợ giúp xã hội phù hợp.
III	HỖ TRỢ THÊM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP HƯU TRÍ XÃ HỘI			
	Đối tượng	Chưa quy định khoản hỗ trợ thêm của tỉnh đối với người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã	Người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Chính	Bổ sung chính sách mới của tỉnh, không thay đổi điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội của Trung ương.

	Mức hỗ trợ thêm	Chưa quy định.	Hỗ trợ thêm 60.000 đồng/người/tháng.	Bổ sung chính sách , nhằm bổ sung một phần thu nhập thường xuyên cho người đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương.
IV	HỖ TRỢ CHI PHÍ MAI TÁNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN			
	Đối tượng được hỗ trợ	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với một số đối tượng hưởng chính sách đặc thù của tỉnh theo Nghị quyết số 815 khi chết.	Tiếp tục hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc chính sách đặc thù của tỉnh; đồng thời bổ sung người cao tuổi thuộc trường hợp đặc thù quy định tại dự thảo, trong đó có trường hợp đang hưởng chính sách hỗ trợ thu nhập hằng tháng theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND khi chết và không sử dụng dịch vụ hỏa táng.	Kế thừa và bổ sung có trọng tâm , nhằm duy trì chính sách đang thực hiện và khắc phục khoảng trống chính sách đối với một số trường hợp có hoàn cảnh khó khăn.
	Mức hỗ trợ chi phí mai táng	Thực hiện theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 815 đối với từng nhóm đối tượng.	Hỗ trợ bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với nhóm đối tượng thuộc chính sách đặc thù của tỉnh và các trường hợp được bổ sung theo dự thảo, theo điều kiện quy định.	Kế thừa và hoàn thiện , bảo đảm mức hỗ trợ được xác định thống nhất theo mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định tại từng thời kỳ.
V	NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN, MỨC CHUẨN VÀ PHẠM VI CHÍNH SÁCH			
1	Mức chuẩn trợ giúp xã hội	Mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; mức hưởng của tỉnh được tính theo hệ số tương ứng.	Quy định theo hướng sử dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội do Chính phủ quy định tại từng thời kỳ nhân với hệ số hoặc mức hỗ trợ theo Nghị quyết.	Hoàn thiện kỹ thuật quy định, tạo tính ổn định của chính sách khi Trung ương thay đổi mức chuẩn.

2	Phân biệt địa bàn xã, phường	Nhiều chính sách của Nghị quyết 815 xác định mức hưởng khác nhau giữa phường và xã, đặc biệt đối với NCT và NKT.	Dự thảo mới giảm hoặc loại bỏ việc phân biệt mức hưởng chỉ dựa trên địa bàn cư trú đối với các nhóm chính sách được rà soát.	Điều chỉnh theo hướng bình đẳng hơn về mức hỗ trợ, tập trung vào hoàn cảnh và nhu cầu trợ giúp của đối tượng.
3	Nguyên tắc không hưởng đồng thời chính sách cùng nội dung	Quy định trường hợp đối tượng thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, hỗ trợ chi phí mai táng theo các mức khác nhau hoặc tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất; đối tượng đã hưởng tại cơ sở thì không hưởng tại cộng đồng.	Dự thảo tiếp tục duy trì nguyên tắc không hưởng trùng, đồng thời bổ sung quy định xử lý giao thoa với Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND, Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND và các chính sách Trung ương có liên quan.	Kế thừa và hoàn thiện , bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện.
4	Thời gian thực hiện	Từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026.	Dự kiến từ ngày 01/01/2027 .	Bảo đảm chuyển tiếp liên tục khi Nghị quyết số 815 hết hiệu lực.
5	Nguồn kinh phí	Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.	Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.	Kế thừa , đồng thời cập nhật theo quy định pháp luật ngân sách hiện hành.